

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 18-02-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 14 đến 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 327/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 và Thông báo số 05/TB-TA ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 136, đường số 3, tổ 9, thôn 4, xã Dh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Lê H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 73, đường Nguyễn Viết Xuân, tổ 8, khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/11/2023, ông Nguyễn Lê H có vay mượn của bà Dương Thị L số tiền 1.400.000.000đồng để làm đảo hạn ngân hàng, ông H hứa sẽ hòa trả vào ngày 27/11/2023, nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà L số tiền nợ vay gốc là 1.400.000.000đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày vay 24/11/2023 đến ngày 24/8/2024 là 9 tháng x 1.66%/tháng x 1.400.000.000đồng = 210.000.000đồng. Tổng cộng là

1.610.000.000đồng. Bà L còn yêu cầu ông H tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong nợ vay gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông H và bà L có quan hệ giao dịch làm ăn (vay tiền) từ ngày 22/9/2023. Mỗi khi cần vay tiền ông H sẽ viết giấy nợ (theo mẫu bà L gửi), sau đó chụp hình và gửi qua zalo cho bà L, sau đó căn cứ theo giấy nợ bà L sẽ tiến hành chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng số tiền tương ứng. Đến đầu tháng 11/2023, ông H có giới thiệu ông Phạm Quốc Toàn gặp bà L để vay số tiền 1.400.000.000đồng, sau đó ngày 11/11/2023 ông Toàn viết giấy nợ cho ông Nguyễn Viết Phương (con bà L) số tiền 1.400.000.000đồng và được chuyển khoản. Sau đó đến ngày 24/11/2023 bà L gọi ông H lên nhà và yêu cầu ông H viết giấy nợ 1.400.000.000đồng với lý do ông H giới thiệu ông Toàn vay nợ bà L nhưng mãi không trả được buộc ông H phải viết thêm giấy nợ để làm tin, sau đó đến tháng 12/2023 bà L đã kiện ông Toàn ra Tòa và đã được Tòa án tuyên án buộc ông Toàn phải trả 1.400.000.000đồng đã mượn trước đó. Ông H đã chủ quan và không để ý đến giấy nợ buộc phải viết làm tin cho ông Toàn từ tháng 11/2023 và đến nay là tháng 01/2025 thì bà L đưa giấy nợ đó để kiện ông H mặc dù ông H chưa nhận được 1.400.000.000đồng như giấy nợ đã ghi và số tiền lãi theo quy định nên ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản nợ gốc, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Lê H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 1.400.000.000đồng; đối với khoản tiền lãi, nguyên đơn có thay đổi về mức lãi suất như sau: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày vay tiền là 24/11/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 10%/năm; đồng thời nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong số tiền nợ vay gốc.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. **Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.**

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**; buộc **bị đơn** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Buộc **bị đơn** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ban đầu, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất với mức lãi suất 10%/năm. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và trong phạm vi phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, bị đơn giao nộp 01 bản sao kê (photo), các đương sự khác không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy mượn tiền ngày 24/11/2023; tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Lê H cũng như nội dung trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là do bị đơn tự viết, tự ký và viết tên bị đơn. Đây là tình tiết, sự kiện đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, không ghi nội dung về lãi suất vay nhưng các bên có thỏa thuận miệng và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay tiền thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 24/11/2023 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận vào ngày 24/11/2023 bị đơn có viết cho nguyên đơn 01 giấy mượn tiền, tuy nhiên bị đơn không nhận tiền mặt và nguyên đơn cũng không chuyển khoản số tiền 1.400.000.000đồng cho bị đơn; bị đơn cho rằng việc viết giấy mượn tiền cho nguyên đơn là do nguyên đơn yêu cầu, để làm tin cho khoản vay của ông Phạm Quốc Toàn đối với nguyên đơn.

Nguyên đơn khẳng định tại thời điểm ký xác lập giấy nợ cho nguyên đơn thì bị đơn hoàn toàn minh mẫn, đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi, bị đơn biết chữ; bị đơn cho rằng không nhận bất kỳ khoản tiền nào của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh (bảng sao kê mà bị đơn cung cấp tại phiên tòa thể hiện số tài khoản thực hiện giao dịch với bà L là của ông Nguyễn Viết Cảnh, không liên quan đến bị đơn), mặt khác bị đơn cho rằng việc viết giấy mượn tiền cho nguyên đơn là do nguyên đơn yêu cầu, để làm tin cho khoản vay của ông Phạm Quốc Toàn đối với nguyên đơn và vụ việc giữa ông Toàn với nguyên đơn cũng đã được Tòa án giải quyết nhưng bị đơn không chứng minh được bị đơn bị nguyên đơn cưỡng ép viết giấy mượn tiền và trong nội dung giấy mượn tiền bị đơn đã ghi mục đích vay tiền là “để đáo hạn ngân hàng”, không có nội dung nào thể hiện nhận nợ thay cho ông Toàn. Bị đơn không chứng minh được giấy mượn tiền đề ngày 24/11/2023 mà bị đơn viết cho nguyên đơn là giao dịch dân sự giả tạo do bị ép buộc, do đó bị đơn phải chịu trách nhiệm về tính pháp lý của giấy mượn tiền ngày 24/11/2023 mà bị đơn đã xác lập với nguyên đơn.

Tại Điều 79 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”

Do đó, nguyên đơn sử dụng giấy mượn tiền đề ngày 24/11/2023 để yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay gốc 1.400.000.000đồng là có căn cứ.

[4.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng khi cho bị đơn vay tiền có thỏa thuận lãi suất vay là 20%/năm, bị đơn cho rằng thực tế không có vay tiền của nguyên đơn nên không có việc thỏa thuận lãi suất. Do các bên đương sự có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để quyết định lãi suất, cụ thể:

Từ ngày 24/11/2023 đến 18/02/2025 là 14 tháng 25 ngày x 1.400.000.000 x 10%/năm = 172.922.000đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 262; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị L.

Buộc ông Nguyễn Lê H có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị L số tiền là nợ vay gốc theo giấy mượn tiền đề ngày 24/11/2023 là 1.400.000.000 (bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 172.922.000 (bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Lê H phải nộp số tiền 59.187.000 (bằng chữ: Năm mươi chín triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Dương Thị L số tiền 30.150.000 (bằng chữ: Ba mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004819 ngày 03 tháng 10 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận